

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH-
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2023

Về việc: “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH KIÊN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương
Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nhâm Đức Hùng

2. Ông Nguyễn Văn Kiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXX-ST, ngày 18 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1978

Địa chỉ theo hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh K.

Địa chỉ đang ở hiện nay: Ấp H, xã B, huyện K, tỉnh K.

2. **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh H có mặt, ông Nguyễn Văn L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2023 của bà Nguyễn Thị Thanh H, bản tự khai của các đương sự, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

Sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, bà Nguyễn Thị Thanh H cùng ông Nguyễn Văn L đi đến hôn nhân, chung sống vợ chồng vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh K vào năm 2001 và đã được UBND xã M cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Trong quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L có 03 người con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 19/9/2001, Nguyễn Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 23/02/2005 và cháu Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/7/2007; hiện nay bà Nguyễn Thị Thanh H đang trực tiếp nuôi dưỡng cả ba người con; không có tài sản chung và không có nợ chung. Thời gian đầu chung sống vợ chồng thì bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L hạnh phúc,

nhưng sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn về nhiều mặt nên vào năm 2009, bà Nguyễn Thị Thanh H đã có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn L, sau đó bà Nguyễn Thị Thanh H rút đơn khởi kiện; ngày 05/9/2023, bà Nguyễn Thị Thanh H lại có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn L; bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L đã ly thân nhiều lần, lần gần đây nhất là từ tháng 5/2023 cho đến nay.

Bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu:

- Về hôn nhân: Được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.
- Về con chung: Được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Thanh T cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Thanh T tròn 18 tuổi; không yêu cầu ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của ông Nguyễn Văn L:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H.
- Về con chung: Đồng ý cho bà Nguyễn Thị Thanh H được tạm thời trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Thanh T.

Đối với Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 19/9/2001, Nguyễn Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 23/02/2005 hiện nay đã trưởng thành, ông Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với Nguyễn Ngọc Quỳnh A, Nguyễn Ngọc Quỳnh T. Ngoài ra ông Nguyễn Văn L không yêu cầu gì thêm.

* *Tại phiên tòa*, bà Nguyễn Thị Thanh H vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu nêu trên, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với Nguyễn Ngọc Quỳnh A, Nguyễn Ngọc Quỳnh T do hiện nay Nguyễn Ngọc Quỳnh A, Nguyễn Ngọc Quỳnh T đã trưởng thành. Ngoài ra bà Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Vào năm 2000, bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 05/9/2023, bà Nguyễn Thị Thanh H gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn L và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Ông Nguyễn Văn L có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn L không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu

Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt ông Nguyễn Văn L tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/9/2023 cho ông Nguyễn Văn L theo quy định của pháp luật, ông Nguyễn Văn L vắng mặt phiên tòa nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt (BL 30), được sự thống nhất của bà Nguyễn Thị Thanh H, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn L theo quy định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H:

2.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh K vào năm 2001 và đã được UBND xã Mong Thọ B cấp giấy chứng nhận kết hôn nên theo quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Xét rằng: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L tự nguyện yêu cầu Tòa án không tiến hòa giải giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L, mà sớm đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông L với lý do mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L đã kéo dài nhiều năm, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được, không thể đoàn tụ được (BL 24, 29). Các văn bản ông Nguyễn Văn L gửi cho Tòa án, ông Nguyễn Văn L tự nguyện đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H (BL 26, 28, 29, 30). Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã động viên, nhưng bà Nguyễn Thị Thanh H vẫn yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 90 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L tự nguyện xác định là ông, bà có ba người con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 19/9/2001, Nguyễn Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 23/02/2005 và cháu Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/7/2007.

Xét rằng: Từ khi bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L ly thân đến nay thì bà Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng cả ba người con, hiện nay bà Nguyễn Thị Thanh H có nghề nghiệp và thu nhập ổn định; căn cứ vào ý kiến của ông Nguyễn Văn L và nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc Thanh T vào ngày 11/9/2023 (BL 26, 28, 29, 30, 31), quyền lợi về mọi mặt của cháu T và để ổn định tình cảm, tâm lý cho cháu T, Tòa án chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thanh H được

tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Thanh T cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Thanh T tròn 18 tuổi.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Thanh T: Do bà Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của người con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 19/9/2001, Nguyễn Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 23/02/2005: Do hiện nay Nguyễn Ngọc Quỳnh A, Nguyễn Ngọc Quỳnh T đã trưởng thành, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

2.5. Về tài sản chung và nợ chung: Do bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Thanh H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000982, ngày 11/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, bà Nguyễn Thị Thanh H không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn L không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 9, 11, 12, 13, 14, 85, khoản 1 Điều 89, các Điều 90, 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án; Tiêu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L.

2- Về con chung: Cho bà Nguyễn Thị Thanh H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/7/2007 cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Thanh T tròn 18 tuổi; ông Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3- Về cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Thanh T: Do bà Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

4- Về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 19/9/2001, Nguyễn Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 23/02/2005: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

5- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

6- Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Thanh H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000982, ngày 11/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, bà Nguyễn Thị Thanh H không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn L không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (21/9/2023); ông Nguyễn Văn L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hpl);
- UBND xã Mong Thọ B, h Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (khi án có hpl);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Thị Thu Hương